

Bản án số:14/2023/HNGĐ-ST

Ngày:22/6/2023

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC-TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Lan và bà Bùi Thị Thuý.

**Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Tâm -Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sởToà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số70/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn bà**Phạm Thị T**, sinh năm 1969. Nơi thường trú thôn A, xã Đ, huyện G, Hải Dương. Nơi ở hiện tại D, xã T, huyện N, Hải Dương.

- Bị đơn ông**Trần Văn T1**, sinh năm 1971. Nơi cư trú thôn A, xã Đ, huyện G. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm, Cẩm Thủy, Thanh Hoá.

(Tại phiên tòa có mặt bà T; Ông T1 có đơn xin vắng).

**NHẬN THẤY**

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: bà T và ông T1 tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 22/3/2012tạiUBND Đức Xương, huyện Gia Lộc. Thực tế ông, bà đã chung sống từ năm 1999, nhưng đến năm 2012 vợ chồng mới đến UBND xã Đức Xương đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không được hòa thuận, không hạnh phúc. Sau khi sinh con lớn vào năm 1999 bà đã phải về ngoại ở nhiều năm vì mâu thuẫn vợ chồng; đến năm 2004 ông, bà hàn gắn tình cảm và quay về Đức Xương, Gia Lộcchung sống được 1 thời gian ngắn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông T1 không tu chí, mãi chơi, hay mắng chửi, diếc móc bà và gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột cãi nhau,

đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Bà xác định cuộc sống hai người không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài và không thể cải thiện được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T1.

Về con chung bà T và ông T1 có 2 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 15/12/1999 và Phạm Thị Minh C, sinh ngày 09/5/2004; Lý do cháu C họ Phạm là do ông, bà chung sống với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn, do đó khi lên UBND xã khai sinh cho cháu C mang họ mẹ. Tuy nhiên, hiện nay hai cháu T2 và C đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, công sức và các vấn đề khác bà T trình bày không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp các bản sao căn cước công dân; Giấy khai sinh của con; Trích lục kết hôn; đơn xin xác nhận.

*Tại bản tự khai, bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày:* Ông T1 và bà T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1999 đến năm 2012 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày là sai, mà do mâu thuẫn vợ chồng bà T và các con đã về quê Ninh Giang ở từ hơn 1 năm nay còn ông T1 vẫn ở xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, đến tháng 11/2022 ông vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm, tỉnh Thanh Hoá. Ông không đồng ý ly hôn bà T. Về con chung ông xác nhận vợ chồng anh có 2 con là Trần Văn T2, sinh ngày 15/12/1999 và Phạm Thị Minh C, sinh ngày 09/5/2004, lý do cháu C mang họ Phạm là do vợ chồng ông chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn do đó cháu C mang họ mẹ. Nay các con ông đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản và các vấn đề khác ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T1 thông qua trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hoá, nơi ông T1 đang cải tạo, ông T1 xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như phiên tòa.

*Tại biên bản xác minh của UBND xã Đức Xương cung cấp:* bà T và ông T1 được UBND xã Đức Xương đăng ký kết hôn vào năm 2012, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn bà T và có các con đã về quê Ninh Giang sinh sống, ông T1 vẫn ở Đức Xương, Gia Lộc và đến đầu năm 2023 thì vi phạm pháp luật. Về vấn đề con chung của ông T1 bà T là cháu Phạm Thị Minh C trong giấy khai sinh cháu C mang họ phạm (họ của bà T) là do ông T1 bà T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn do đó trong giấy khai sinh của cháu C ghi họ Phạm của bà T, UBND xã đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng các bên để giải quyết.

*Tại phiên tòa,* nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày. Bị đơn xin vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên

đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị: Quan hệ hôn nhân xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Trần Văn T1; Án phí bà T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết ly hôn ông Trần Văn T1, ông T1 có nơi cư trú tại xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 22/6/2023; tại phiên tòa, có mặt bà T, ông T1 xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T1 theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

*Về quan hệ vợ chồng:* bà Phạm Thị T và ông Trần Văn T1 được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến năm 2012 bà T và ông T1 đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương do đó hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Cuộc sống chung của ông, bà hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự yêu thương chăm sóc nhau. Bà T và ông T1 đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay mỗi người ở 1 nơi không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đến nay đã trầm trọng đến mức ông bà không thể sống chung 1 nhà, hết yêu thương nhau; việc ông T1 không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng là gây khó khăn cho việc xin ly hôn của bà T. Điều đó thể hiện mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, ông bà không có hạnh phúc; yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

*Về quan hệ con chung:* bà T và ông T1 có 2 con chung là Trần Văn T2, sinh ngày 15/12/1999 và Phạm Thị Minh C, sinh ngày 09/5/2004, các con của ông, bà đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên theo lời trình

bà của các bên đương sự và UBND xã Đức Xương cung cấp, do ông bà chung sống với nhau nhưng không đi đăng ký kết hôn do đó cháu C mang họ bà T, vấn đề này các đương sự không tranh chấp gì về con chung nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

*Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác:* Bà T và ông T1 không yêu cầu, do đó không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị T.

**Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Trần Văn T1.

**Về án phí:** Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000904 ngày 14/4/2023 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

**Về quyền kháng cáo:** Bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gia Lộc;
- C cục THADS huyện Gia Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Đức Xương để ghi vào sổ hộ tịch (kết hôn năm 2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thắm**